



HIỆN TƯỢNG THÍCH NGHI VÀ VIỆC GIẢNG DẠY NGỮ ÂM THỰC HÀNH

TRẦN KHANG

I. Dưới góc độ ngữ âm, bất kỳ một âm tố nào trong lời nói cũng chỉ có thể xuất hiện sau khi âm tố trước nó đã được hoàn tất. Đó là đặc điểm hoạt động có tính chất cơ học, tuyến tính của lời nói. Do vậy, các âm tố kế tiếp nhau trong lời nói luôn bị ràng buộc và chi phối lẫn nhau trong những bối cảnh ngữ âm nhất định. Khái niệm "bối cảnh ngữ âm" không chỉ nói đến những âm lân cận, bao quanh một âm nào đó mà còn bao gồm những đặc trưng ngữ âm khác tồn tại trong một thể thống nhất như thanh điệu, ngữ điệu, trọng âm v.v....

Mỗi âm trong một bối cảnh ngữ âm nhất định đều bị chi phối bởi âm đi trước và đi sau. Trên thực tế, không thể có một âm tố hay âm vị nào lại được phát âm theo một phương thức nhất quán, không đổi, thoát ly mọi bối cảnh của nó. Quá trình cấu âm một âm bao giờ cũng bị ảnh hưởng bởi sự hiện diện của các âm lân cận và do đó sự biến dạng ít nhiều về âm hưởng của nó trong bối cảnh khác nhau là điều không thể tránh khỏi. Một ví dụ :

Âm [K] trong từ "Quân" và "cân" là không đồng nhất vì [K] trong "Quân" đã bị môi hóa do tác dụng tròn môi của âm đệm (w) trong khi [K] trong "cân" không có hiện tượng đó.

Hiện tượng này trong ngữ âm học được gọi bằng các thuật ngữ khác nhau như : hiện tượng thích nghi, hiện tượng đồng hóa, hiện tượng đồng cấu âm.

Sự tồn tại của hiện tượng này trong ngôn ngữ có ý nghĩa quan trọng cả về lý thuyết cũng như về thực tiễn.

Về mặt thực tiễn, trong việc dạy ngoại ngữ cũng như trong việc dạy phát âm cho những người câm điếc, người ta không thể đơn giản là chỉ dạy cho người học phát âm các âm một cách nhất quán, bất biến trong mọi trường hợp. Người dạy phải tính đến quy luật chi phối giữa các âm mà từ đó dẫn đến những biến đổi tất yếu trong mối quan hệ tương tác giữa chúng. Có như vậy thì cái sản phẩm cuối cùng nghiệm thu được ở người học mới có thể là lời nói đích thực với âm hưởng tự nhiên như nó vốn có.

Hiện tượng thích nghi có thể nói một cách khái quát là bất kỳ sự thay đổi nào diễn ra trong quá trình cấu âm đều có sự hiện diện của các âm lân cận trong bối cảnh của nó gây ra. Ví dụ :

Trong từ "ích kỷ" : âm [K] vẫn là phụ âm gốc lưỡi, khi phát âm có sự tiếp xúc giữa mặt lưỡi sau với gạc mềm. Trong khi đó, âm [i] lại là nguyên âm hẹp, hàng trước, khi

phát âm đòi hỏi sự vận động của lưỡi hướng ra phía trước. Trong lời nói bình thường do có sự hạn chế về thời gian phát âm từ một nguyên nhân sinh lý học tự nhiên khiến cho người ta không có đủ thời gian để thực hiện hai quá trình cấu âm ngược chiều và xa nhau như vậy, nên đã phát sinh hiện tượng điềm tiếp xúc giữa mặt lưỡi sau và ngạc mềm của âm [K] phải lệch chuyển ra phía ngoài tức là nó đã bị ngạc hóa để cho phù hợp với tư thế cấu âm của nguyên âm [i] trong bối cảnh ấy....

Hiện tượng thích nghi có thể được phân chia thành hiện tượng đồng hóa và hiện tượng đồng cấu âm. Mỗi hiện tượng đều có những phạm vi ảnh hưởng và đặc điểm riêng của nó :

- Hiện tượng đồng hóa thường được hiểu là những thay đổi quan trọng về ngữ âm, vượt ra ngoài ranh giới âm vị học, làm biến đổi âm vị này thành âm vị khác do điều kiện thích nghi. Hiện tượng này thường diễn ra ở một từ tố, một âm tiết hay một thanh điệu theo nguyên tắc biến đổi sao cho các âm lại gần nhau hơn :

- "Lời lái" -) "Lờ lái"

(âm tiết trước bưng bám âm cuối [i] cho gần với âm tiết sau)

- "vòn vện" -) "vèn vện"

(âm tiết trước có sự biến đổi [ɔ] thành [e] cho gần với âm tiết sau.)

- "muôn vạn" -) "muôn vản"

(âm tiết sau có sự biến đổi thanh điệu cho gần với âm tiết trước).

- Hiện tượng đồng cấu âm trái lại, chỉ là những thay đổi nhỏ diễn ra bên trong đường ranh giới âm vị học. Hiện tượng này chủ yếu biểu thị dưới hình thức các "tư thế thỏa hiệp" trong quá trình cấu âm hai âm liền kề mà một hoặc hơn một đặc trưng của âm vị này có thể chuyển di sang âm vị kia; song mỗi âm vị vẫn bảo toàn những nét riêng biệt của nó. Những đặc trưng của một âm vị được thêm vào cho một âm vị khác như tính chất mũi hóa, ngạc hóa, môi hóa v.v... đó là hiện tượng đồng cấu âm gây ra được gọi là sự cấu âm bổ sung. Ví dụ :

- "Khủng bố" : trong bối cảnh này, hai phụ âm đầu [K] và [b] đều bị môi hóa vì chúng được cấu âm theo tư thế thỏa hiệp với các nguyên âm trên môi [u] và [o]. Nói cách khác, trong bối cảnh này thì một đặc trưng của nguyên âm (đặc trưng tròn môi) đã tham gia cấu âm đồng thời với các đặc trưng của phụ âm.

- "mờ ám" : trong bối cảnh này, phụ âm [m] đầu và cuối đều có tác dụng mũi hóa lên các nguyên âm đi trước và đi sau do có hiện tượng đồng cấu âm ở ngạc mềm. Như ta biết, khi phát âm các phụ âm mũi thì đòi hỏi ngạc mềm phải hạ thấp xuống để không khí đi vào khoang mũi tạo nên sự cộng hưởng ở đó. Trái lại, khi phát âm các nguyên âm thì lại đòi hỏi ngạc mềm phải được nâng lên. Như vậy, cùng một lúc người ta phải thực hiện hai tư thế cấu âm ngược chiều nhau khi phát âm hai âm tiết nói trên. Song, cũng vì lý do có sự ức chế về sinh lý học trong quá trình phát âm khiến người ta không đủ thời gian để làm như vậy nên khi phát âm các âm tiết trên, ngạc mềm đã phải hạ thấp trong suốt thời gian phát âm các nguyên âm tạo nên một khe hở thường trực ở khoang mũi. Do đó, một phần tính chất mũi của phụ âm [m] đã "thoát" ra và thẩm thấu vào các nguyên âm đi bên.

Như vậy, trường hợp này khác với trường hợp trên là một đặc trưng của phụ âm (đặc trưng mũi) đã tham gia cấu âm đồng thời với các đặc trưng các nguyên âm.

Do đó có thể nói bản chất của hiện tượng thích nghi là quá trình tự điều chỉnh của các tư thế cấu âm sao cho sự vận động của các khí quan phát âm được thuận lợi hơn trong lúc nói tức là thời gian thực tế, ngắn hơn rất nhiều so với thời gian lý tưởng để phát âm các âm tố một cách biệt lập. Người ta ước tính trong phong cách ngôn ngữ hội thoại, nhịp độ sản sinh các âm tố lời nói có thể chiếm một tỷ lệ từ 10 đến 20 âm tố trong một giây. Như vậy, thời gian tối đa dành cho việc phát âm một âm tố được khống chế ở mức xấp xỉ 1/10 giây¹⁾. Trên thực tế thì cái thời lượng đó là quá ngắn để có thể thực hiện bất kỳ một hành vi lời nói nào, nhất là khi phải tính đến những tư thế cấu âm đòi hỏi phải trở lại điểm xuất phát trước khi chuyển sang quá trình cấu âm kế tiếp. Thí dụ : thời gian cần thiết để hạ thấp ngạc mềm cho việc phát âm một phụ âm mũi và liền sau đó lại nâng nó lên để chuyển sang quá trình phát âm nguyên âm đi sau thì phải mất 1/2 giây tức là thời gian đủ để phát âm từ 5 đến 10 âm tố.

Trong ngôn ngữ, hiện tượng thích nghi là hiện tượng phổ biến. Nó có thể do nguyên nhân ức chế về sinh lý học có tính phổ biến như đã nói trên. Song, cũng có thể đó là quy tắc điều chỉnh tự nhiên nằm trong cơ cấu ngữ pháp vốn có của một số ngôn ngữ. Nhưng dù là nguyên nhân nào thì hiện tượng thích nghi cũng không phải là có tính chất tùy tiện hay như người ta thường nói là có thể hiện "tính lười" của người sử dụng ngôn ngữ. Thực ra, nguyên nhân của hiện tượng thích nghi có liên quan đến "nguyên lý hiệu tối thiểu" tức là trong hành vi lời nói, con người có xu hướng tận dụng một lực nhỏ nhất để sản sinh một lượng âm tố lớn nhất nếu có thể được. Trên thực tế, hiện tượng thích nghi có giúp cho con người tiết kiệm được sự vận động của cơ bắp nhằm giảm thiểu lực cấu âm; song, không phải vì vậy mà "tính lười" trở thành động lực thúc đẩy hiện tượng này. Hiện tượng thích nghi vốn có vai trò tích cực của nó trong quá trình sản sinh lời nói ở chỗ : một mặt, nó có tác dụng giảm bớt những tiêu hao quá mức về hư cấu âm, mặt khác, nó giúp tăng cường số lượng các âm tố cần có trong một khoảng thời gian nhất định.

Hiện tượng thích nghi có thể diễn ra ở những cấp độ khác nhau với những hiệu quả lớn nhỏ khác nhau. Nó có thể chỉ ảnh hưởng đến thanh tính, thanh điệu hoặc chỉ ảnh hưởng đến vị trí cấu âm hay phương thức cấu âm. Nó có thể có tác dụng đồng nhất hai âm hoặc chỉ làm cho chúng trở nên giống nhau hơn. Vì vậy, người ta phân biệt thành hai kiểu thích nghi : *thích nghi bộ phận* và *thích nghi toàn phần*.

Thích nghi gọi là bộ phận khi một âm trải qua sự thay đổi do bối cảnh gây nên nhưng vẫn duy trì những đặc trưng riêng của nó. Thích nghi gọi là toàn phần khi mà âm bị đồng hóa trở nên giống với âm đồng hóa về mọi phương diện.

Hiện tượng thích nghi có thể diễn ra theo những hướng khác nhau : Có thể quy thành 3 kiểu thích nghi tương ứng với những hướng tác dụng của nó : thích nghi xuôi, thích nghi ngược và thích nghi kép.

a) Hiện tượng thích nghi xuôi là theo hướng từ trái sang phải (theo tuyến tính của lời nói) khi mà một âm tác dụng lên một âm khác đi sau:

- "ích" : tác dụng thích nghi của [i] làm cho phụ âm cuối [k] bị ngạc hóa.

(trong tiếng Anh : "dogs và "cats" : tác dụng thích nghi của âm [y] hữu thanh và âm

[t] vô thanh đã làm cho thanh tính của [s] bị biến đổi. Trong "dogs" : [s] biến thành [z].

b) Hiện tượng thích nghi ngược là theo hướng từ phải sang trái khi mà một âm tác dụng lên một âm khác đứng trước nó :

- "kỳ" : tác dụng thích nghi của [i] làm cho phụ âm đầu [k] bị ngạc hóa.

- "im" : tác dụng thích nghi của [m] làm cho nguyên âm [i] bị mũi hóa.

c) Hiện tượng thích nghi kép là hiện tượng khi mà có hai hướng thích nghi tác dụng ngược chiều nhau lên cùng một âm :

-) (- -) (-

"man mác"

Hai âm liền trên đều có tính chất mũi. Song, rõ ràng là trong âm tiền "man" : tính chất mũi đã được nhân đôi do hướng tác dụng đồng thời của hai phụ âm mũi (đầu và cuối) lên nguyên âm [a] trong khi âm tiền "mác" lại chỉ có một hướng tác dụng của phụ âm đầu [m].

Hiện tượng thích nghi có thể là đồng đại với những thay đổi hiện hữu và đang còn tính chất sản sinh hoặc có thể là lịch đại với những biến đổi nào đó còn để lại trong ngôn ngữ đương thời trải qua sự thay đổi của lịch sử.

Trên đây mới chỉ đề cập đến những hiện tượng thích nghi trong bối cảnh những âm liền kề. Ngoài ra, hiện tượng thích nghi còn diễn ra trong bối cảnh những âm đoạn không kề nhau hay còn gọi là hiện tượng gián nở của nguyên âm, phụ âm. Một trong những biểu hiện của hiện tượng thích nghi loại này là hiện tượng hài hòa nguyên nhân. Trong những ngôn ngữ có sự hài hòa nguyên âm thì những nguyên âm trong cùng một đơn vị âm vị học phải là những nguyên nhân cùng loại : hoặc bằng thì bằng cả; trầm thì trầm cả; trước thì trước cả; sau thì sau cả. Tùy theo tính ngôn ngữ, khái niệm "đơn vị âm vị học" có thể là một từ, một danh từ, một động ngữ hay một mệnh đề.

Hiện tượng thích nghi còn diễn ra trên cấp độ vượt quá ranh giới của từ, đó là hiện tượng Sandhi - hai biểu hiện của hiện tượng Sandhi là hiện tượng rút gọn mà ta thường gặp trong tiếng Anh, tiếng Pháp như :

Tiếng Anh : What's (What is)

I'll (I will)

Tiếng Pháp : du (de le)

aux (à les)

L'Etat (Le stat)

và hiện tượng nối liền như :

- Tiếng Anh : In use ; the us is

- Tiếng Pháp : Les élèves ; il et bon

*

**

II. Hiện tượng thích nghi có vai trò gì trong việc giảng dạy và sửa lỗi phát âm ? Ta

biết rằng giữa các âm khác nhau của lời nói luôn luôn có sự chuyển đổi tạo thành những kiểu kết hợp khác nhau. Trong đó, xuất hiện những bối cảnh mà do tính chất tương đồng về mặt cấu âm giữa các âm lân cận làm cho việc phát âm một âm nào đó trở nên dễ dàng hơn so với những bối cảnh khác. Sự tương đồng này có thể là về thanh tính, về phương thức cấu âm hay vị trí phát âm theo nguyên tắc, thí dụ : những nguyên âm hàng trước (như [i], [e], [z]) được cấu âm với lưỡi uốn dưới vòm miệng thì cùng chia sẻ với những phụ âm vòm miệng hay phụ âm ngạc (như [n], [t], [d]...) về vị trí của lưỡi; còn những nguyên âm hàng sau (như [m], [o], [a]...) được cấu âm với lưỡi uốn dưới vòm mềm thì cùng chia sẻ với những phụ âm vòm mềm (như [k], [y], [x] ...) về vị trí của lưỡi.

Dựa vào nguyên tắc đó, người ta có thể thiết kế những bối cảnh phù hợp nhất với những âm tố nào đó để đưa chúng vào những vị trí dễ phát âm hơn. Thí dụ: Nguyên âm đơn [u] và nguyên âm đôi [uə] trong tiếng Việt có thể là những âm khó đối với những người nói tiếng Âu - Á. Vậy, trong những bối cảnh nào thì những âm này dễ phát âm hơn đối với họ ? Theo nguyên tắc thích nghi và tính chất tương đồng về mặt cấu âm như đã nói trên thì chúng có thể dễ phát âm hơn trong những bối cảnh.

1. Trước các âm cuối gốc lưỡi : [k], [ŋ] : "ức", "ương"...
2. Sau các âm đầu gốc lưỡi : [k], [ŋ], [x], [ʝ] : "cứ", "cưỡng", "khử"...
3. Giữa các âm đầu và các âm cuối nói trên : "cứng", "gùng", "cưỡng", "ngượng"...

Về hệ thống thanh điệu, người ta cũng có thể dựa vào 3 tiêu chí phân loại cơ bản (tiêu chí âm vực, đường nét âm điệu bằng - trắc; đường nét âm điệu gãy - không gãy) để hình thành các cặp đối lập theo tính chất tương đồng nhiều hay ít trong so sánh. Thí dụ :

1. Các cặp thanh điệu đối lập nhau theo một tiêu chí khu biệt (tiêu chí âm vực cao - thấp) :

! (không dấu) - huyền ! ngã - hỏi !; ! sắc - nặng !, ... Có thể nói : đây là những thề đối lập tương đối gần.

2. Các cặp thanh điệu đối lập nhau theo 2 tiêu chí khu biệt (tiêu chí âm vực - âm điệu bằng/trắc hoặc âm vực - âm điệu gãy/không gãy) :

! (không dấu) - nặng !; ! sắc - huyền !; ! ngã - nặng !; ! sắc - hỏi !; Đây là những thề đối lập tương đối xa.

3. Các cặp thanh điệu đối lập nhau theo cả 3 tiêu chí khu biệt :

! (không dấu) - hỏi !; ! ngã - huyền !; Đây là những thề đối lập tuyệt đối.

Dựa trên các mức độ so sánh theo số lượng các tiêu chí khu biệt, ta sẽ có các cặp thanh điệu đối lập nhau theo tính chất tương đồng về đặc trưng ngữ âm, từ gần đến xa, từ đơn giản đến phức tạp. Đó là cơ sở đối chiếu - so sánh trong giảng dạy thực hành ngữ âm ở giai đoạn đầu.

Trong nhiều ngôn ngữ còn có hiện tượng một số phụ âm nờ khi ở vào vị trí giữa hai nguyên âm, chúng thường bị sát hơn về phương thức phát âm; thí dụ :

- Tiếng Anh : "Negotiation" : [t -] [s]

- Tiếng Pháp : "Démocratique" : [t -] [s]

Bản thân các âm sát là những âm liên tục, luồng hơi ra không bị cản trở, khó ở vào vị trí trên (giữa hai nguyên âm) chúng cũng "thoát" ra một cách dễ dàng hơn. Điều đó khiến người ta nghĩ rằng những phụ âm sát khi ở vào vị trí giữa hai nguyên âm thì dễ phát âm hơn, nhất là khi bộ ba (nguyên âm - phụ âm - nguyên âm) đều nằm trong bối cảnh có sự tương đồng về mặt cấu âm. Trong tiếng Việt, hình thức kết hợp này tuy không diễn ra trong bản thân từ, song nó vẫn có thể xuất hiện ở ranh giới giữa hai âm tiết hoặc hai từ. So sánh :

- Tiếng Anh : Trong từ "Brother" P: âm khe răng giữa hai nguyên âm [Ø] sẽ dễ dàng phát âm hơn so với vị trí của nó trong "There" hay "Them". Ở vị trí phụ âm đầu này, âm [Ø] thường khó phát âm đối với người học tiếng Anh và nó thường bị phát âm chệch thành phụ âm nờ [d]. (Có lẽ vì ở vị trí này, âm [Ø] là phụ âm mạnh về cuối nên do xung động lớn của luồng hơi ra khi phát âm đã làm cho tính chất sát của nó bị giảm đi đồng thời tăng cường tính chất nờ!).

- Tiếng Pháp : Trong từ "Agir" : âm sát [j] giữa hai nguyên âm cũng dễ dàng phát âm hơn so với vị trí của nó trong những từ như "Largeur" và "Elargir"

- Tiếng Việt : Trong những từ như "đồ gỗ" hay "cửa gỗ" âm sát ở vào vị trí giữa hai nguyên âm (sau nguyên âm cùng âm tiết trước và trước nguyên âm của âm tiếp sau), đồng thời cả 3 yếu tố đều ở trong bối cảnh có sự tương đồng về mặt cấu âm (đều là nguyên âm hàng sau đi với phụ âm gốc lưỡi - ngạc mềm) nên dễ phát âm hơn so với vị trí của nó trong những bối cảnh khác như : "đốn gỗ" hay "chặt gỗ" là những bối cảnh không thích nghi với nó.

Đương nhiên, có thể áp dụng nguyên tắc bối cảnh một cách hữu hiệu trong giảng dạy thực hành ngữ âm thì cần có những bước điều tra cơ bản nhằm soạn thảo một danh mục những âm khó về mặt thực hành tùy theo từng đối tượng học sinh trên cơ sở so sánh - đối chiếu giữa hai ngôn ngữ. Từ đó mà thiết kế sẵn những bối cảnh ngữ âm tương ứng, phù hợp với những âm thử nghiệm, triển khai theo hình thức nâng dần tính chất phức tạp cùng những bối cảnh nhằm dẫn dắt người học thực hành luyện tập từng bước, đi tới sự hoàn thiện quy trình phát âm của mình.

CHÚ THÍCH

¹⁾ Theo tài liệu thống kê của la. R. A. Mackay trong cuốn : *Phonetics the Science of speech production*, 1987.

HOW TO TEACH PRACTICAL VIETNAMESE PHONETICS.

Tran Khang

Main points in this article:

1. - Vietnamese phonetics are rather difficult to foreigner.
2. - If the teacher wants to teach Vietnamese effectively they have to recognize the phenomenon of adjust oneself to phonetical context in its.